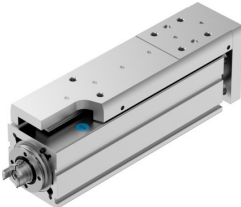


Xy lanh trượt mini
EGSC-BS-KF-45-150-10P
Số bộ phận: 8048304

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình làm việc	150 mm
Kích thước	45
Dự trữ hành trình	0 mm
Khe đảo ngược	150 µm
đường kính trục chính	10 mm
Tăng trục chính	10 mm/vòng
Vị trí lắp đặt	bất kì
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn
Cấu trúc xây dựng	Thanh trượt điện mini với trục vít bi
Loại động cơ	Động cơ bước Động cơ servo
Tham khảo	Khối cử chặn cố định tích cực Khối cử chặn cố định tiêu cực Công tắc tham chiếu
Loại trục chính	Trục vít bi
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Tăng tốc tối đa	15 m/s ²
Số vòng quay tối đa	3600 1/phút
Tốc độ tối đa	0.6 m/s
Độ chính xác lặp lại	±0,015 mm
Thời gian bật	100%
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vòng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 9 theo ISO 14644-1
Mức áp suất âm thanh	50 dB(A)
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.01 mJ

Đặc tính	Giá trị
Lưu ý về năng lượng va chạm ở vị trí cuối	Ở tốc độ di chuyển tham chiếu tối đa là 0,01 m/s
Hệ số tải động ổ trục cố định	7413 N
Hệ số tải động dẫn hướng tuyến tính	3240 N
Vít bi đánh giá tải động	3200 N
Không tải mô-men xoắn ở tốc độ quy trình tối đa	0.1 N m
Mô men xoắn chạy không tải ở tốc độ quy trình tối thiểu	0.03 N m
Lực tối đa Fy	1314 N
Lực tối đa Fz	1314 N
Fy với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	3240 N
Fz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	3240 N
Thời điểm tối đa Mx	8.1 N m
Max. Moment My	7 N m
Mô-men tối đa Mz	7 N m
Mx với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	20 N m
Của tôi với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	17 N m
Mz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	17 N m
Lực hướng tâm tối đa trên trục truyền động	180 N
Lực nạp tối đa Fx	120 N
Trị số chuẩn tải trọng có ích, ngang	12 kg
Giá trị tham chiếu tải trọng, theo chiều dọc	12 kg
Vít bi đánh giá tải tĩnh	5900 N
Hệ số tải tĩnh dẫn hướng tuyến tính	5630 N
Mô-men quán tính khối lượng JH trên mỗi mét hành trình	0.13609 kgcm ²
Mômen quán tính khối lượng JL trên kg trọng tải	0.02533 kgcm ²
Mô men quán tính khối lượng JO	0.01363 kgcm ²
Nạp liệu không đổi	10 mm/vòng
Hệ số tải tĩnh ổ trục cố định	3966 N
Tuổi thọ tham khảo	5000 km
Khoảng thời gian bảo trì	bôi trơn suốt đời
Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm	212 g
Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm	30 g
trọng lượng sản phẩm	1551 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	608 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	63 g
Kiểu gắn	với ren trong với vòng măng xông với phụ kiện có chốt thẳng
Bộ truyền động mã giao diện	V32
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu thanh dẫn hướng ổ trượt	Thép ổ lăn
Vật liệu ray dẫn hướng	Thép ổ lăn
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu đầu chạc	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu các ổ trượt	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu đai ốc trục chính	Thép ổ lăn
Trục chính vật liệu	Thép ổ lăn